

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 09 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lành Văn Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trường

Ông Dương Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lý Thu Thủy và bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 02/8/2024 đối với bị cáo:

Hoàng Thị H, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1974. Tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Khối phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đàm T1 (đã chết), con bà Lương Thị Ý, sinh năm 1943; có chồng Dương Thành C (đã chết); con: có 03 con sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 08/4/2024 đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Dương Thị O, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

2. Hoàng Thị T2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

3. Dương Thị H1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

4. Dương Thị Q, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

5. Dương Thảo U, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn R, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

6. Dương Thị H2, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

7. Dương Hải Y, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

8. Dương Thị Q1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khối phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

9. Hoàng Công H3, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ngõ E, L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

10. Hoàng Thị D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B nhận được đơn tố giác nặc danh của quần chúng nhân dân trên địa bàn thị trấn B tố giác: Hoàng Thị H có hành vi cho vay tiền với lãi suất cao. Sau khi tiếp nhận đơn tố giác, Công an huyện B đã tiến hành xác minh, triệu tập Hoàng Thị H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để làm việc, đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Thị H, thu giữ 02 (hai) tờ giấy vay tiền ngày 27/02/2023 người vay Dương Thị O, trên hai tờ giấy vay tiền đều có chữ ký, họ tên của Hoàng Thị H.

Tại Cơ quan điều tra Hoàng Thị H khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến trước khi bị lực lượng Công an phát hiện, H cho Dương Thị O, trú tại thôn L, xã T; H, trú tại thôn L, xã L; Dương Thị H1, trú tại khối phố T, thị trấn B; Dương Thị Q, trú tại thôn T, xã B; D, trú tại thôn R, xã L; Dương Thị H2, trú tại thôn Đ, xã B; D, trú tại thôn T, xã B và một số người khác vay tiền với lãi suất cao, cho vay và nhận số tiền trả lãi qua số tài khoản 8411205019840 mở tại ngân hàng A Chi nhánh huyện B và số tài khoản 05954425001 mở tại ngân hàng L chi nhánh huyện B đều mang tên Hoàng Thị H.

Quá trình điều tra làm rõ: Hoàng Thị H sinh sống trên địa bàn huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình sinh sống, H thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền để làm ăn kinh doanh, chi tiêu cá nhân và việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao được nhiều lợi nhuận, nên từ năm 2017 Hoàng Thị H sử dụng nguồn tiền của cá nhân hoạt động cho vay lãi và áp dụng theo hình thức cho vay tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển khoản từ số tài khoản 8411205019840 mở tại ngân hàng A chi nhánh huyện B, không cầm cố tài sản. Những trường hợp vay tiền của H được lập giấy vay tiền, việc tính lãi suất được thỏa thuận bằng miệng, tính lãi là 10%/tổng số tiền vay, mỗi lần trả lãi tương ứng số tiền của 30 ngày tính lãi, mỗi

tháng người vay trả lãi một ngày không cố định ngày trong tháng bằng hình thức gặp mặt đưa tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 thì “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”, đối chiếu với quy định tại thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng thì lãi suất tính theo ngày không được vượt quá mức 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Hoàng Thị H đã cho 07 (bảy) người dân trên địa bàn huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay tiền với lãi suất 10%/tổng số tiền vay/30 ngày, tức 3.333đ/ 1 triệu/ngày, tương ứng với 121,7%/năm (gấp hơn 05 lần mức lãi suất cho phép), cụ thể như sau:

1. Trường hợp Dương Thị O: Ngày 27/02/2023, Hoàng Thị H cho Dương Thị O vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất. Hoàng Thị H và O thỏa thuận tính lãi suất cho vay 10%/tổng số tiền vay/30 ngày, tức 3.333đ/1 triệu/ngày, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 7.000.000đ. Khi cho vay, Hoàng Thị H đã trừ luôn lãi 30 ngày vay với số tiền 7.000.000đ và chuyển khoản cho Dương Thị O tổng số tiền 63.000.000đ. Đến ngày 08/5/2023 Dương Thị O đã trả đủ tiền lãi của 41 ngày cho Hoàng Thị H tổng số tiền là 9.567.000đ.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 70.000.000đ là: $547,95\text{đ}/1.000.000\text{đ}/01\text{ ngày} \times 70.000.000\text{đ} \times 71\text{ ngày} = 2.723.312\text{đ}$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $16.567.000\text{đ} - 2.723.312\text{đ} = 13.843.688\text{đ}$.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 40.000.000đ là: $547,95\text{đ}/01\text{ triệu đồng}/01\text{ ngày} \times 40.000.000\text{đ} \times 158\text{ ngày} = 3.463.044\text{đ}$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là $21.070.000\text{đ} - 3.463.044\text{đ} = 17.606.956\text{đ}$.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 27.000.000đ là: $547,95\text{đ}/1.000.000\text{đ}/01\text{ ngày} \times 27.000.000\text{đ} \times 60\text{ ngày} = 887.679\text{đ}$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $5.400.000\text{đ} - 887.679\text{đ} = 4.512.321\text{đ}$.

Như vậy, số tiền Hoàng Thị H cho Dương Thị O vay là 70.000.000đ và thu lợi bất chính là $13.843.688\text{đ} + 17.606.956\text{đ} + 4.512.321\text{đ} = 35.962.965\text{đ}$.

2. Trường hợp Hoàng Thị T2: Ngày 24/7/2017, Hoàng Thị H cho Dương Thị T3 vay tổng số tiền mặt là 25.000.000đ. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất. Hoàng Thị H và Dương Thị T3 thỏa thuận tính lãi suất cho vay 10%/tổng số tiền vay/30 ngày, tức 3.333đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 2.500.000đ, bắt đầu tính lãi từ ngày 25/7/2017.

Đến ngày 12/9/2019, Dương Thị T3 trả cho Hoàng Thị H số tiền lãi 65.000.000đ, tương ứng với 780 ngày. Do Dương Thị T3 không có điều kiện trả tiền lãi nữa nên Hoàng Thị H đồng ý khoan lãi đến ngày 12/9/2019, không tính

lãi, đến ngày 17/9/2019, Dương Thị T3 chuyển khoản trả cho Hoàng Thị H đủ số tiền gốc còn nợ là 25.000.000đ, sau đó Dương Thị T3 đến gặp Hoàng Thị H hủy giấy vay tiền. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là: $547,95đ/1.000.000đ/01 \text{ ngày} \times 25.000.000đ \times 780 \text{ ngày} = 10.685.025đ$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $65.000.000đ - 10.685.025đ = 54.314.975đ$.

3. Trường hợp Dương Thị H1: Ngày 27/12/2022, Hoàng Thị H cho Dương Thị H1 vay tổng số tiền mặt là 30.000.000đ. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất. Hoàng Thị H và Dương Thị H1 thỏa thuận tính lãi suất cho vay 10%/tổng số tiền vay/30 ngày, tức $3.333đ/1.000.000đ/ngày$, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 3.000.000đ. Đến ngày 22/12/2023, Dương Thị H1 trả cho Hoàng Thị H số tiền lãi 36.000.000đ, tương ứng với 360 ngày. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là: $547,95đ/1.000.000đ/01 \text{ ngày} \times 30.000.000đ \times 360 \text{ ngày} = 5.917.860đ$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $36.000.000đ - 5.917.860đ = 30.082.140đ$.

4. Trường hợp Dương Thị Q vay tiền Hoàng Thị H 02 lần cụ thể là:

Lần 1: Ngày 27/01/2023, Hoàng Thị H cho Dương Thị Q vay tổng số tiền mặt là 30.000.000đ. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất. Hoàng Thị H và Dương Thị Q thỏa thuận tính lãi suất cho vay 10%/tổng số tiền vay/30 ngày, tức $3.333đ/1.000.000đ/ngày$, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 3.000.000đ. Đến ngày 26/4/2023 Dương Thị Q đã trả đủ tiền lãi của 60 ngày cho Hoàng Thị H, tổng số tiền 6.000.000đ. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là: $547,95đ/1.000.000đ/01 \text{ ngày} \times 30.000.000đ \times 90 \text{ ngày} = 1.479.465đ$. Số tiền H thu lợi bất chính là: $9.000.000đ - 1.479.465đ = 7.520.535đ$.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 26.000.000đ là: $547,95đ/1.000.000đ/01 \text{ ngày} \times 26.000.000đ \times 35 \text{ ngày} = 498.635đ$. Số tiền H thu lợi bất chính là: $3.034.000đ - 498.635đ = 2.535.365đ$.

Như vậy, số tiền Hoàng Thị H cho Dương Thị Q vay là 30.000.000đ và thu lợi bất chính là $7.520.535đ + 2.535.365đ = 10.055.900đ$.

Lần 2: Ngày 25/8/2023, Hoàng Thị H tiếp tục cho Dương Thị Q vay số tiền mặt là 10.000.000đ. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất và có thỏa thuận tính lãi như lần thứ nhất. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là: $547,95đ/1.000.000đ/01 \text{ ngày} \times 10.000.000đ \times 120 \text{ ngày} = 657.540đ$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $4.000.000đ - 657.540đ = 3.342.460đ$.

Như vậy, tổng số tiền Hoàng Thị H cho Dương Thị Q vay là 40.000.000đ và thu lợi bất chính tổng số tiền $10.055.900đ + 3.342.460đ = 13.398.360đ$.

5. Trường hợp Dương Thảo U: Ngày 31/10/2021, Hoàng Thị H cho Dương Thảo U vay tổng số tiền mặt là 3.000.000đ. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất. Hai bên thỏa thuận tính lãi suất cho vay 10%/tổng số tiền

vay/30 ngày, tức 3.333đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 300.000đ. Đến ngày 18/3/2024, Dương Thảo U trả cho Hoàng Thị H số tiền lãi 8.700.000đ, tương ứng với 870 ngày. Hiện nay U vẫn còn nợ Hoàng Thị H số tiền gốc là 3.000.000đ, giấy vay tiền với Dương Thảo U sau đó Hoàng Thị H để mất ở đâu không rõ.

Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là: $547,95\text{đ}/1.000.000\text{đ}/01 \text{ ngày} \times 3.000.000\text{đ} \times 870 \text{ ngày} = 1.430.150\text{đ}$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $8.700.000\text{đ} - 1.430.150\text{đ} = 7.269.850\text{đ}$.

6. Trường hợp Dương Thị H2: Ngày 24/6/2022, Hoàng Thị H cho Dương Thị H2 vay tổng số tiền mặt là 6.000.000đ. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất. Hoàng Thị H và Dương Thị H2 thỏa thuận tính lãi suất cho vay 10%/tổng số tiền vay/30 ngày, tức 3.333đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 600.000đ. Đến ngày 26/10/2023 do cần tiền nên Dương Thị H2 tiếp tục vay thêm Hoàng Thị H số tiền 20.000.000đ và cộng thêm 6.000.000đ còn nợ thành số tiền 26.000.000đ, thỏa thuận tính lãi như ban đầu, mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 2.600.000đ, bắt đầu tính lãi từ ngày 26/10/2023. Đối với khoản vay trên Dương Thị H2 chưa thực hiện xong hợp đồng với Hoàng Thị H, hiện Dương Thị H2 còn nợ Hoàng Thị H 6.000.000đ tiền gốc, Hoàng Thị H đã chốt không tính lãi từ ngày 24/11/2023. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay trên, cụ thể:

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 6.000.000đ là: $547,95\text{đ}/1.000.000\text{đ}/01 \text{ ngày} \times 6.000.000\text{đ} \times 480 \text{ ngày} = 1.578.096\text{đ}$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $9.600.000\text{đ} - 1.578.096\text{đ} = 8.021.904\text{đ}$; tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 26.000.000đ là: $547,95\text{đ}/1.000.000\text{đ}/\text{ngày} \times 26.000.000\text{đ} \times 30 \text{ ngày} = 427.401\text{đ}$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $2.600.000\text{đ} - 427.401\text{đ} = 2.172.599\text{đ}$.

Như vậy, số tiền Hoàng Thị H cho Dương Thị H2 vay là 26.000.000đ và thu lợi bất chính là $8.021.904\text{đ} + 2.172.599\text{đ} = 10.194.503\text{đ}$.

7. Trường hợp Dương Hải Y vay tiền Hoàng Thị H 03 lần cụ thể là:

Lần 1: Ngày 28/3/2018, Hoàng Thị H cho Dương Hải Y vay tổng số tiền mặt là 38.000.000đ. Hai bên viết giấy vay tiền, không ghi lãi suất. Hoàng Thị H và Dương Hải Y thỏa thuận tính lãi suất cho vay 10%/tổng số tiền vay/30 ngày, tức 3.333đ/1.000.000đ/ngày, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 3.800.000đ. Đến ngày 27/4/2018, Dương Hải Y chuyển khoản trả số tiền lãi cho Hoàng Thị H là 3.800.000đ.

Lần 2: Ngày 28/4/2018 Dương Hải Y tiếp tục vay Hoàng Thị H số tiền 23.000.000đ, cộng với khoản vay trước tổng số tiền là 61.000.000đ, vẫn thỏa thuận tính lãi suất như ban đầu, mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 6.100.000đ, bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền mặt, bắt đầu tính lãi từ ngày 28/4/2018. Ngày 21/5/2018 Dương Hải Y chuyển khoản thanh toán đủ tiền lãi 30 ngày cho Hoàng Thị H.

Lần 3: Đến ngày 28/5/2018, Dương Hải Y tiếp tục vay Hoàng Thị H 9.000.000đ tiền mặt, cộng với khoản vay trước tổng là 70.000.000đ, thỏa thuận tính lãi như ban đầu, mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 7.000.000đ, bắt đầu tính lãi từ ngày 28/5/2018. Đến ngày 24/11/2018, Dương Hải Y trả đủ lãi của 180 ngày, tổng số tiền là 42.000.000đ. Cùng ngày Dương Hải Y trả đủ 70.000.000đ tiền gốc cho Hoàng Thị H.

Đối với các khoản vay trên Dương Hải Y đã thực hiện xong hợp đồng với Hoàng Thị H. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay trên, cụ thể:

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 38.000.000đ là: $547,95đ/1.000.000đ/ngày \times 38.000.000đ \times 30 \text{ ngày} = 624.663đ$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $3.800.000đ - 624.663đ = 3.175.337đ$.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 61.000.000đ là: $547,95đ/1.000.000đ/ngày \times 61.000.000đ \times 30 \text{ ngày} = 1.002.749đ$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $6.100.000đ - 1.002.749đ = 5.097.251đ$.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 70.000.000đ là: $547,95đ/1.000.000đ/ngày \times 70.000.000đ \times 180 \text{ ngày} = 6.904.170đ$. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: $42.000.000đ - 6.904.170đ = 35.095.830đ$.

Như vậy, số tiền Hoàng Thị H cho Dương Hải Y vay là 70.000.000đ và thu lợi bất chính là $3.175.337đ + 5.097.251đ + 35.095.830đ = 43.368.418đ$.

Đối với khoản vay Hoàng Thị H cho Dương Hải Y vay, ngày 24/11/2018 Hoàng Thị H và Dương Hải Y tất toán hợp đồng vay. Tuy nhiên xác định trong khoảng thời gian từ 24/11/2018 đến 24/11/2023, Hoàng Thị H lại tiếp tục thực hiện hành vi cho Dương Thị O, Dương Thị T3, Dương Thị H1, Dương Thị Q, Dương Thảo U và Dương Thị H2 vay tiền với lãi suất cao, với tổng thu lợi bất chính số tiền trên 100.000.000đ. Căn cứ quy định tại Điều 27 Bộ luật Hình sự, xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với khoản vay Hoàng Thị H cho Dương Hải Y vay vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, một số khoản vay thuộc trường hợp cho vay lãi nặng có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000đ. Căn cứ Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng dân sự; Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì các khoản vay này đã hết thời hiệu xử phạt hành chính do đó, không xem xét xác định trách nhiệm hình sự đối với các khoản vay này, bao gồm:

1. Trường hợp Hoàng Thị T2 vay tiền Hoàng Thị H 02 lần, cụ thể là:

Lần 1: Ngày 11/12/2021, Hoàng Thị H cho Dương Thị T3 vay số tiền là 12.000.000đ. Thỏa thuận tính lãi như các mã vay ban đầu, mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 1.200.000đ. Đến ngày 04/01/2022, Dương Thị T3 chuyển khoản trả cho Hoàng Thị H tổng số tiền 12.960.000đ, trong đó 12.000.000đ là tiền gốc và 960.000đ là tiền lãi 24 ngày vay. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật

dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là 157.810đ. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 802.190đ.

Lần 2: Ngày 21/6/2022, Hoàng Thị H tiếp tục chuyển khoản cho Dương Thị T3 vay số tiền là 40.000.000đ, thỏa thuận tính lãi như các mã vay ban đầu, mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 4.000.000đ. Đến ngày 10/10/2022, Dương Thị T3 chuyển khoản trả cho Hoàng Thị H tổng số tiền 12.000.000đ, tương ứng với 90 ngày vay và trả đủ nợ gốc cho Hoàng Thị H. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là 1.972.620đ. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 10.027.380đ.

2. Trường hợp Dương Thị Q1 vay tiền Hoàng Thị H 02 lần, cụ thể là:

Lần 1: Ngày 11/7/2019, Hoàng Thị H cho Dương Thị Q1 vay tổng số tiền là 47.000.000 đồng. Hoàng Thị H và Dương Thị Q1 thỏa thuận tính lãi suất cho vay như các món vay trên, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 4.700.000đ. Hằng tháng, Dương Thị Q1 đều chuyển khoản đầy đủ tiền lãi cho Hoàng Thị H, đến ngày 11/12/2019, Dương Thị Q1 đã trả cho Hoàng Thị H tổng số tiền lãi 23.500.000đ, tương ứng với 150 ngày, lãi của tháng cuối cùng do Dương Thị Q1 không có điều kiện trả tiền lãi nữa nên Hoàng Thị H đồng ý khoan lãi đến ngày 08/12/2019, không tính lãi nữa, đồng thời Dương Thị Q1 cũng xin trả trậm lãi tháng 12, Hoàng Thị H đồng ý. Đến ngày 11/12/2019 Dương Thị Q1 chuyển khoản cho Hoàng Thị H số tiền 4.700.000đ để trả lãi tháng 12. Ngày 18/12/2019 Dương Thị Q1 chuyển khoản trả nợ đủ số tiền gốc là 47.000.000đ cho Hoàng Thị H. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là 3.863.048đ. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 19.636.952đ.

Lần 2: Ngày 22/02/2020, Hoàng Thị H cho Dương Thị Q1 vay tổng số tiền mặt là 60.000.000đ. Hai bên thỏa thuận tính lãi suất như lần thứ nhất, mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 6.000.000đ. Đến ngày 27/7/2020, Dương Thị Q1 đã trả cho Hoàng Thị H tổng số tiền lãi 05 tháng là 30.000.000đ, tương ứng với 150 ngày, lãi của tháng cuối cùng do Dương Thị Q1 không có điều kiện trả tiền lãi nữa nên Hoàng Thị H đồng ý khoan lãi đến ngày 21/7/2020, không tính lãi nữa, đồng thời Dương Thị Q1 cũng xin trả trậm lãi tháng 7, Hoàng Thị H đồng ý. Đến ngày 27/7/2020 Dương Thị Q1 chuyển khoản cho Hoàng Thị H số tiền 6.000.000đ để trả lãi tháng 7. Ngày 28/7/2020 Dương Thị Q1 chuyển khoản trả nợ đủ số tiền gốc là 60.000.000đ cho H. Tính theo lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là 4.931.550 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 25.068.450 đồng.

3. Trường hợp Hoàng Công H3: Ngày 29/11/2019 Hoàng Thị H cho Hoàng Công H3 vay số tiền 30.000.000đ. Hoàng Thị H và Hoàng Công H3 thỏa thuận tính lãi suất cho vay như các món vay trên, tương ứng mỗi tháng trả lãi số tiền của 30 ngày là 3.000.000đ. Đến ngày 28/5/2020, Hoàng Công H3 đã trả đủ cho Hoàng Thị H tiền lãi của 180 ngày vay số tiền là 18.000.000đ và thanh toán đủ nợ gốc cho Hoàng Thị H, cả hai không còn nợ gì nhau nữa. Tính theo lãi suất

tối đa của Bộ luật dân sự 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng từ khoản vay này là 2.958.930đ. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 15.041.070đ.

Như vậy, các khoản vay xác định truy cứu trách nhiệm hình sự gồm khoản Hoàng Thị H cho Dương Thị O, Dương Thị T3, Dương Thị H1, Dương Thị Q, Dương Thảo U, Dương Thị H2 và Dương Hải Y vay. Quá trình điều tra xác định được tổng số tiền Hoàng Thị H cho Dương Thị O, Dương Thị T3, Dương Thị H1, Dương Thị Q, Dương Thảo U, Dương Thị H2 và Dương Hải Y vay số tiền gốc là 264.000.000đ. Số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là: 194.591.211đ.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hoàng Thị H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và những người liên quan: Dương Thị O, Dương Thị T3, Dương Thị H1, Dương Thị Q, Dương Thảo U, Dương Thị H2 và Dương Hải Y đều thừa nhận được vay tiền của bị cáo Hoàng Thị H. Lời khai của những người vay nêu trên đều phù hợp với lời khai của bị cáo Hoàng Thị H về số tiền vay, thỏa thuận vay cũng như mức lãi suất.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị O, Dương Thị T3 đều yêu cầu trả lại số tiền lãi đã nộp cho bị cáo thu lợi bất chính; chị Hoàng Thị D không yêu cầu, đề nghị gì. Đối với chị Dương Thị H1, Dương Thị Q, Dương Thảo U, Dương Thị H2, Dương Hải Y, vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong các bản khai tại cơ quan điều tra đều đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật về khoản tiền lãi đã nộp cho bị cáo thu lợi bất chính; đối với chị Dương Thị Q, anh Hoàng Công H3 đều không yêu cầu đề nghị gì.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKSBS ngày 03/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Hoàng Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38, 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị H từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị, không có thu nhập ổn định để đảm bảo thi hành án, chồng đã chết và hiện nay bị cáo một mình nuôi 03 con đang ăn học và mẹ già đã quá tuổi lao động.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự.

Truy thu của bị cáo Hoàng Thị H số tiền gốc là 255.000.000đ và số tiền lãi hợp pháp (20%) là 38.279.789đ mà những người vay đã trả cho bị cáo.

Tổng số tiền truy thu của bị cáo Hoàng Thị H là: 293.279.789đ.

Truy thu số tiền gốc của những người vay chưa trả cho bị cáo Hoàng Thị H gồm: Chị Dương Thảo U 3.000.000đ, chị Dương Thị H2 6.000.000đ.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Thị H phải trả số tiền lãi bất chính cho chị Dương Thị O 35.962.965đ, chị Dương Thị T3 54.314.975đ, chị Dương Thị H1 30.028.140đ, chị Dương Thị Q 13.398.360đ, chị Dương Thảo U 7.269.850đ, chị Dương Thị H2 10.194.503đ và chị Dương Hải Y 43.368.418đ.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Tại phần tranh luận, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 7/2017 đến tháng 4/2024, bị cáo Hoàng Thị H cho 07 người sinh sống trên địa bàn huyện B vay tiền với lãi suất 121,7%/năm gấp trên 05 lần mức lãi suất được pháp luật cho phép quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, cụ thể: Cho Dương Thị O vay 70.000.000đ và thu lãi của Dương Thị O tổng số tiền 43.037.000đ, trong đó số tiền thu lợi hợp pháp 7.074.035đ, số tiền thu lợi bất chính 35.962.965đ; cho Hoàng Thị T2 vay 25.000.000đ, thu lãi của Dương Thị T3 tổng số tiền 65.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi hợp pháp 10.685.025đ, số tiền thu lợi bất chính 54.314.975đ; cho Dương Thị H1 vay 30.000.000đ, thu lãi của Dương Thị H1 tổng số tiền là 36.000.000đ, trong đó thu lợi hợp pháp 5.917.860đ, thu lãi bất chính số tiền 30.082.140đ; cho Dương Thị Q vay hai lần tổng số tiền 40.000.000đ, thu lãi của Dương Thị Q tổng số tiền 16.034.000đ, trong đó thu lợi hợp pháp 2.635.640đ,

thu lợi bất chính số tiền 13.398.360đ; cho Dương Thảo U vay số tiền 3.000.000đ, thu lãi của Dương Thảo U số tiền 8.700.000đ, trong đó thu lợi hợp pháp 1.430.150đ, thu lợi bất chính 7.269.850đ; cho Dương Thị H2 vay số tiền 26.000.000đ, thu lãi của Dương Thị H2 tổng số tiền 12.200.000đ, trong đó thu lợi hợp pháp 2.005.497đ, thu lợi bất chính số tiền 10.194.503đ; cho Dương Hải Y vay tổng số tiền 70.000.000đ, số tiền lãi thực tế đã thu là 51.900.000đ, trong đó thu lợi hợp pháp 8.531.582đ, thu lợi bất chính số tiền 43.368.418đ. Như vậy bị cáo Hoàng Thị H đã cho Dương Thị O, Dương Thị T3, Dương Thị H1, Dương Thị Q, Dương Thảo U, Dương Thị H2 và Dương Hải Y vay với tổng số tiền gốc là 264.000.000đ, đã thu lãi thực tế tổng số tiền là 232.871.000đ, trong đó lãi hợp pháp theo quy định là 38.279.789đ; tổng số tiền bị cáo Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 194.591.211đ. Khi phạm tội bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm trục lợi cho bản thân. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm trước pháp luật. Để có hình phạt thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Bị cáo Hoàng Thị H thực hiện hành vi phạm tội độc lập, không có đồng phạm. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về tội danh cũng như về mức hình phạt mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Thị H chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy bị cáo được coi là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện nhiều lần cho vay lãi nặng mà mỗi lần số tiền thu lợi bất chính đều trên 30.000.000đ. Do đó bị cáo bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra bị cáo có bố chồng là ông Dương Thành Q2 được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất và được Bộ T4 tặng bằng khen nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét khi ấn định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Từ những phân tích trên, thấy rằng bị cáo Hoàng Thị H không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, chồng bị cáo đã chết, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình và hiện nay bị cáo một mình nuôi 03 con ăn học, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của gia đình bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị, không có thu nhập ổn định để đảm bảo thi hành án, chồng bị cáo đã chết và hiện nay bị cáo một mình nuôi 03 con ăn học và nuôi mẹ già đã quá tuổi lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Số tiền phạm tội xét thấy cần truy thu bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của bị cáo Hoàng Thị H số tiền gốc là 255.000.000đ mà những người vay đã trả cho bị cáo, gồm: Dương Thị O 70.000.000đ, Dương Thị T3 25.000.000đ, Dương Thị H1 30.000.000đ, Dương Thị Q 40.000.000đ, Dương Thị H2 20.000.000đ, Dương Hải Y 70.000.000đ và số tiền lãi hợp pháp (20%) mà người vay đã trả cho bị cáo là 38.279.789đ. Tổng số tiền truy thu của bị cáo Hoàng Thị H là: 293.279.789đ; Truy thu số tiền gốc của những người vay chưa trả cho bị cáo Hoàng Thị H gồm: Dương Thảo U 3.000.000đ, Dương Thị H2 6.000.000đ.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Thị H phải trả số tiền lãi bất chính cho Dương Thị O 35.962.965đ, Dương Thị T3 54.314.975đ, Dương Thị H1 30.028.140đ, Dương Thị Q 13.398.360đ, Dương Thảo U 7.269.850đ, Dương Thị H2 10.194.503đ và Dương Hải Y 43.368.418đ.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên nên có căn cứ chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự để sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

[14] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 48; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 131, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, 331 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 10 (mười) tháng tù giam. Thời gian chấp hành tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/4/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Truy thu của bị cáo Hoàng Thị H số tiền gốc là 255.000.000đ mà những người vay đã trả cho bị cáo và số tiền lãi hợp pháp mà người vay đã trả cho bị cáo là 38.279.789đ. Tổng số tiền truy thu của bị cáo Hoàng Thị H là: 293.279.789đ.

Truy thu số tiền gốc của những người vay chưa trả cho bị cáo Hoàng Thị H gồm: Dương Thảo U 3.000.000đ, Dương Thị H2 6.000.000đ.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Hoàng Thị H phải trả số tiền lãi bất chính cho chị Dương Thị O 35.962.965đ, Dương Thị T3 54.314.975đ, Dương Thị H1 30.028.140đ, Dương Thị Q 13.398.360đ, Dương Thảo U 7.269.850đ, Dương Thị H2 10.194.503đ và Dương Hải Y 43.368.418đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí: Buộc bị cáo Hoàng Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Công an huyện Bắc Sơn;
- CCTHADS huyện Bắc Sơn;
- UBND thị trấn Bắc Sơn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Văn Huê